

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG MỸ HÀO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 770/QĐ-UBND

Mỹ Hào, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai Quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ HÀO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định 2789/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định 1479/QĐ- UBND ngày 25/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao dự toán thu chi ngân sách cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 26/03/2026 của Hội đồng nhân dân phường Mỹ Hào về việc phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước xã Đại Đồng năm 2025;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 168/TTr-TCKH ngày 24/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 phường Mỹ Hào.

(Theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường; Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND phường;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Công thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Tuấn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

Đơn vị tính: Đồng



STT A	NỘI DUNG B	Dự toán 1	Ước thực hiện 2	So sánh (%) 3=2/1
	TỔNG SỐ THU	8.349.602.000.000	2.824.726.426.056	33,83
1	Các khoản thu xã hưởng 100%		226.077.966.477	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		2.115.310.515.584	
3	Thu bổ sung	35.344.000.000	293.169.500.352	829,47
-	Bổ sung cân đối	31.744.000.000	31.744.000.000	100,00
-	Bổ sung có mục tiêu	3.600.000.000	261.425.500.352	7.261,82
4	Thu chuyển nguồn		37.803.645.360	
	TỔNG SỐ CHI	542.179.000.000	943.178.681.581	173,96
1	Chi đầu tư phát triển	489.600.000.000	293.307.636.229	59,91
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	41.954.000.000	265.716.955.633	633,35
3	Dự phòng	10.625.000.000		0,00

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
I	TỔNG SỐ THU	8.349.602.000.000	542.179.000.000	2.824.726.426.056	848.639.583.705	33.83	156.52
-	Các khoản thu xã hưởng 100%						
-	Thuế tài nguyên giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý			2.072.169.948.659	347.441.438.421		
-	Thu từ khi thiên nhiên, khí than theo hiệp định, hợp đồng giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
-	Thuế tài nguyên giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý						
-	Thu từ khi thiên nhiên, khí than theo hiệp định, hợp đồng giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			73.440	73.440		
-	Thuế tài nguyên khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
-	Thu từ khi thiên nhiên và khí than theo hiệp định, hợp đồng khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			116.160			
-	Lệ phí trước bạ	7.240.000.000	3.620.000.000	27.627.164.192	4.172.093.159	381.59	115.25
-	Các loại phí, lệ phí	270.000.000	270.000.000	2.177.811.773	326.834.105	806.6	121.05
-	Các khoản thu về nhà, đất			2.003.174.785.669	336.872.965.327		
-	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	3.600.000.000	3.600.000.000	1.242.974.532		34.53	0
-	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển			56.808.313			
-	Thu khác ngân sách	335.000.000	335.000.000	21.155.925.783	6.071.808.265	6315.2	1812.48
-	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			-2.400.000	-2.400.000		
-	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ						
-	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			269.198.453.402	17.840.121.289		
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý			145.595.817.189	6.580.332.472		
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			6.842.702.056			
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			1.253.783.625	211.319		
-	Thuế thu nhập cá nhân			71.833.007.157			
-	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện	12.060.000.000	5.400.000.000	60.409.832.172	11.259.641.623	500.91	208.51
III	Thu Viện trợ						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			37.803.645.360	37.803.645.360		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			152.364.798.283	152.364.798.283		
-	Bổ sung cân đối	35.344.000.000	35.344.000.000	293.169.500.352	293.169.500.352	829.47	829.47
-	Bổ sung có mục tiêu	31.744.000.000	31.744.000.000	31.744.000.000	31.744.000.000	100	100
-		3.600.000.000	3.600.000.000	261.425.500.352	261.425.500.352	7261.82	7261.82

CÔNG KHAI CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	542.179.000.000	489.600.000.000	41.954.000.000	548.452.166.215	291.007.636.229	257.444.529.986	101.16	59.44	613.64
	<i>Trong đó</i>									
1	Chi giáo dục				183.138.033.383	47.436.615.250	135.701.418.133			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	287.592.000		287.592.000	12.177.039.273	266.612.702	11.910.426.571	4234.14		4141.43
4	Chi văn hóa, thông tin	475.000.000		475.000.000	52.747.870.544	50.876.951.817	1.870.918.727	11104.81		393.88
5	Chi phát thanh, truyền thanh	140.000.000		140.000.000	1.318.157.000	1.102.692.000	215.465.000	941.54		153.9
6	Chi thể dục thể thao				1.990.370.000	777.752.000	1.212.618.000			
7	Chi bảo vệ môi trường	670.000.000		670.000.000	7.956.813.619	467.373.000	7.489.440.619	1187.58		1117.83
8	Chi các hoạt động kinh tế	398.631.000		398.631.000	141.502.335.974	137.776.646.445	3.725.689.529	35497.07		934.62
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	36.584.640.400		36.584.640.400	122.288.995.208	50.158.431.015	72.130.564.193	334.26		197.16
10	Chi cho công tác xã hội	1.906.008.600		1.906.008.600	21.539.119.012		21.539.119.012	1130.06		1130.06
11	Chi quốc phòng	1.212.128.000		1.212.128.000	1.200.508.402		1.200.508.402	99.04		99.04
12	Chi an ninh	280.000.000		280.000.000	2.592.923.800	2.144.562.000	448.361.800	926.04		160.13
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật									
B	Các nhiệm vụ chi khác									
C	Dự phòng ngân sách	10.625.000.000						0		

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025(Kèm theo Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2026 của UBND phường Mỹ Hào)

Đơn vị: Đồng

Phần thu	Thu NS xã	Phần chi	Chi NS xã
1	5	6	10
TỔNG SỐ THU	848.639.583.705	TỔNG SỐ CHI	641.856.755.582
A. Tổng thu cân đối Ngân Sách	848.619.503.705	A. Tổng số chi cân đối ngân sách	641.856.755.582
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	8.666.152.945	1. Chi đầu tư phát triển	293.307.636.229
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	356.615.406.765	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính		3. Chi thường xuyên theo lĩnh vực	257.564.529.986
4. Thu kết dư ngân sách	152.364.798.283	4. Chi viện trợ	
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	37.803.645.360	5. Chi cho vay	
6. Thu Viện trợ		6. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	293.169.500.352	7. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	
Trong đó: - Bổ sung cân đối	31.744.000.000	Trong đó: -Bổ sung cân đối	
- Bổ sung có mục tiêu	261.425.500.352	-Bổ sung có mục tiêu	
		8. Chi chuyển nguồn	90.665.509.367
		9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước	20.080.000
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)	206.782.828.123		

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND phường Mỹ Hòa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh(%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NS XÃ	NSNN	NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN(A+B+C+D)	8.349.602.000.000	542.179.000.000	2.531.848.202.467	555.470.083.353	30,32	102,45
1	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	8.314.258.000.000	506.835.000.000	2.341.679.758.824	365.301.639.710	28,16	72,08
1	Thu nội địa	8.314.258.000.000	506.835.000.000	2.341.477.689.061	365.281.559.710	28,16	72,07
1	Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý		3.568.000.000	6.842.702.056			0,00
-	Thuế giá trị gia tăng		3.568.000.000	5.545.397.228			0,00
-	Tr.đó: Từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (gồm cả thuế giá trị gia tăng thu đối với dầu, khí khai thác theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu, khí bán ra trong nước)						
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			1.297.304.828			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
-	Tr.đó: Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu bán ra trong nước						
-	Thuế tài nguyên						
-	Tr.đó: - Tài nguyên dầu, khí (không bao gồm thuế tài nguyên khai thác dầu, khí theo hiệp định, hợp đồng)						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý			1.253.857.065	284.759		
-	Thuế giá trị gia tăng			800.270.997	211.319		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			453.512.628			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
-	Thuế tài nguyên			73.440	73.440		
-	Thuế môn bài						
-	Thu khác						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			71.833.123.317			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	8.920.000.000	8.920.000.000	145.705.104.189	6.580.332.472	1633,47	73,77
-	Thuế giá trị gia tăng	8.920.000.000	8.920.000.000	81.710.020.364	6.580.268.347	916,03	73,77
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			52.277.815.618			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			11.403.584.724			
-	Thuế tài nguyên			313.683.483	64.125		
-	Thuế môn bài						
-	Thu khác						
5	Thuế thu nhập cá nhân	12.060.000.000	5.400.000.000	60.409.832.172	11.259.641.623	500,91	208,51
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	7.240.000.000	3.620.000.000	27.627.164.192	4.172.093.159	381,59	115,25
8	Phí, lệ phí	270.000.000	270.000.000	2.177.811.773	326.834.105	806,60	121,05
-	Phí, lệ phí TW			262.811.000			
-	Phí, lệ phí tỉnh			1.226.816.668	900.000		
-	Phí, lệ phí huyện			37.700.000	37.700.000		
-	Phí, lệ phí xã, phường	270.000.000	270.000.000	650.484.105	288.234.105	240,92	106,75
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.340.000.000	3.472.000.000	5.470.625.796	5.150.842.208	126,05	148,35
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20.850.000.000	4.170.000.000	22.080.808.714	4.401.313.319	105,90	105,55
12	Tiền sử dụng đất	8.260.243.000.000	486.000.000.000	1.975.623.351.159	327.320.809.800	23,92	67,35

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh(%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NS XÃ	NSNN	NSDP
13	Tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			1.242.974.532			
-	Thuế giá trị gia tăng						
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			257.430.205			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
-	Thuế tài nguyên						
-	Thu từ thu nhập sau thuế			985.544.327			
-	Thu khác						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển			56.808.313			
16	Thu khác ngân sách	335.000.000	335.000.000	21.155.925.783	6.071.808.265	6315,20	1812,48
17	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi			-2.400.000	-2.400.000		
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các						
II	Thu về dầu thô						
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu			181.989.763			
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu						
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu			181.989.763			
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam						
6	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu						
7	Thu khác						
IV	Thu Viện trợ						
V	Các khoản đóng góp			20.080.000	20.080.000		
B	THU HỒI TỪ QUỸ DỰ TRÙ TÀI CHÍNH						
C	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH			152.364.798.283	152.364.798.283		
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			37.803.645.360	37.803.645.360		

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG

365.301.639.710

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 4 tháng 4 năm 2026 của UBND phường Mỹ Hào)



Đơn vị : Đồng

STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng chi NSDP	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6=3/1	7=3/2
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	542.179.000.000	542.179.000.000	641.537.675.582		641.537.675.582	118.33	118.33
I	Chi đầu tư phát triển	489.600.000.000	489.600.000.000	293.307.636.229		293.307.636.229	59.91	59.91
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định							
III	Chi thường xuyên	41.954.000.000	41.954.000.000	257.564.529.986		257.564.529.986	613.92	613.92
2.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	1.212.128.000	1.212.128.000	1.200.508.402		1.200.508.402	99.04	99.04
2.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	280.000.000	280.000.000	448.361.800		448.361.800	160.13	160.13
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề			135.701.418.133		135.701.418.133		
2.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số							
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình	287.592.000	287.592.000	11.910.426.571		11.910.426.571	4141.43	4141.43
2.6	Chi Văn hóa thông tin	475.000.000	475.000.000	1.870.918.727		1.870.918.727	393.88	393.88
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình	140.000.000	140.000.000	215.465.000		215.465.000	153.9	153.9
2.8	Chi Thể dục thể thao			1.212.618.000		1.212.618.000		
2.9	Chi Bảo vệ môi trường	670.000.000	670.000.000	7.489.440.619		7.489.440.619	1117.83	1117.83
2.10	Chi các hoạt động kinh tế	398.631.000	398.631.000	3.725.689.529		3.725.689.529	934.62	934.62
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	36.584.640.400	36.584.640.400	72.130.564.193		72.130.564.193	197.16	197.16
2.12	Chi Bảo đảm xã hội	1.906.008.600	1.906.008.600	21.539.119.012		21.539.119.012	1130.06	1130.06
2.13	Chi khác			120.000.000		120.000.000		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính							
VII	Chi chuyển nguồn			90.665.509.367		90.665.509.367		
VIII	Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước							
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI							
1	Bổ sung cân đối							
2	Bổ sung có mục tiêu							
	Trong đó: - Bằng nguồn vốn trong nước							



STT	NỘI DUNG CHI	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng chi NSDP	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
	- Bảng nguồn vốn ngoài nước							
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN							
D	Chi hỗ trợ các địa phương khác			299.000.000		299.000.000		
				20.080.000		20.080.000		
	TỔNG SỐ (A+B+C+D)	542.179.000.000	542.179.000.000	641.856.755.582		641.856.755.582	118.38	118.38



BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO TỪNG ĐƠN VỊ
(Kèm theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2025 của UBND phường Mỹ Hòa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (2)				Quyết toán																So sánh (%)			
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Chi chuyển giao	Tổng số	Bao gồm						
			Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó											
								GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN		GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN		Chi đầu tư	Chi thường xuyên										
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+9+12+15+16	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17=5/1	18=6/2	19=9/3	20=12/4				
	Tổng số	725.462.912.129	446.472.481.858	278.812.430.271		641.856.755.582	293.307.636.229	47.436.615.250		257.584.609.986	135.701.418.133					90.665.509.367	299.000.000	88,48	65,69	92,39	0,00				
1	1006851 - Trung tâm Chính trị phường Mỹ Hòa	2.763.000.000		2.763.000.000		2.748.000.000				2.748.000.000	2.748.000.000							99,46		99,46					
2	1045590 - Trường Trung học cơ sở trọng điểm Lê Hữu Trác	8.290.153.428		8.290.153.428		8.282.975.428				8.282.975.428	8.282.975.428							99,91		99,91					
3	1045817 - Trường Tiểu học Bán Yên Nhân số 1	12.820.939.757		12.820.939.757		12.810.939.757				12.810.939.757	12.810.939.757							99,92		99,92					
4	1045844 - Trường Tiểu học Cẩm Xá	9.887.779.300		9.887.779.300		9.867.755.300				9.867.755.300	9.867.755.300							99,80		99,80					
5	1045845 - Trường Tiểu học Nhân Hoà	13.326.471.400		13.326.471.400		13.314.469.315				13.314.469.315	13.314.469.315							99,91		99,91					
6	1067694 - Trường Trung học cơ sở Nhân hoà	12.234.117.000		12.234.117.000		12.224.336.000				12.224.336.000	12.224.336.000							99,92		99,92					
7	1067700 - Trường Trung học cơ sở Cẩm Xá	9.617.870.404		9.617.870.404		9.610.670.404				9.610.670.404	9.610.670.404							99,93		99,93					
8	1119436 - Trường Mầm non Nhân Hoà	6.553.757.318		6.553.757.318		6.547.628.217				6.547.628.217	6.547.628.217							99,91		99,91					
9	1119437 - Trường Mầm non Phan Đình Phóng	6.480.262.635		6.480.262.635		6.474.836.635				6.474.836.635	6.474.836.635							99,92		99,92					
10	1119438 - Trường Mầm non Cẩm Xá	5.359.813.200		5.359.813.200		5.354.506.000				5.354.506.000	5.354.506.000							99,90		99,90					
11	1128276 - Trường Mầm non Bán Yên Nhân	9.993.451.453		9.993.451.453		9.984.177.453				9.984.177.453	9.984.177.453							99,91		99,91					
12	1133171 - Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bán Yên Nhân	19.593.604.700		19.593.604.700		19.578.594.700				19.578.594.700	19.578.594.700							99,92		99,92					
13	1133188 - Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Phan Đình Phóng	15.462.803.464		15.462.803.464		15.447.762.924				15.447.762.924	15.447.762.924							99,90		99,90					
14	1151730 - Văn phòng đảng ủy phường Mỹ Hòa	8.290.167.042		8.290.167.042		8.090.698.577				8.090.698.577								97,59		97,59					
15	1159397 - Văn phòng Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân phường Mỹ Hòa	115.424.003.871	2.300.000.000	113.124.003.871		101.428.344.055	2.300.000.000			99.128.344.055								87,87	100,00	87,63					
16	1160987 - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Mỹ Hòa	6.748.718.871		6.748.718.871		6.748.718.871				6.748.718.871								100,00		100,00					
17	1164941 - Trung tâm Phục vụ Hành chính công phường Mỹ Hòa	1.627.284.721		1.627.284.721		1.618.797.643				1.618.797.643								99,48		99,48					
18	2812103 - Mã tổ chức ngân sách Phường Mỹ Hòa	178.000.000				90.964.509.367												51.103,66			0,00				
19	3035015 - Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Mỹ Hòa	13.941.171.000		13.941.171.000		7.246.765.000				7.246.765.000	3.454.766.000					90.665.509.367	299.000.000	51,98		51,98					
20	3035035 - Trung tâm dịch vụ Văn hóa - Xã hội phường Mỹ Hòa	2.316.961.727		2.316.961.727		2.124.534.727				2.124.534.727								91,69		91,69					
21	7650915 - Tầm dân rảnh thoát nước thôn Phúc Xá, xã Phan Đình Phóng	62.994.000	62.994.000			62.994.000	62.994.000											100,00	100,00						
22	7728048 - Trường Mầm non Phú Đa và các hạng mục phụ trợ	145.938.000	145.938.000			72.969.000	72.969.000	72.969.000										50,00	50,00						
23	7728049 - Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường ngõ, xóm thôn Phú Đa, thị trấn Bán Yên Nhân	133.340.000	133.340.000			66.670.000	66.670.000											50,00	50,00						
24	7736674 - Nhà văn hóa thôn Hoàng Lễ, xã Phan Đình Phóng	27.496.000	27.496.000			27.496.000	27.496.000											100,00	100,00						
25	7739261 - Tầm dân rảnh thoát nước thôn Ngọc Trĩ, Hoàng Lễ	80.775.000	80.775.000			80.775.000	80.775.000											100,00	100,00						
26	7739262 - Đường GTNT thôn Yên Xá (đoạn từ nhà ông Chông đến nhà ông Chiêu)	56.205.955	56.205.955			56.205.955	56.205.955											100,00	100,00						
27	7739263 - Đường GTNT thôn Phúc Xá (từ đường huyện 30 đến nhà ông Thao)	41.122.680	41.122.680			41.122.680	41.122.680											100,00	100,00						
28	7740942 - Đường bê tông thôn Quan Cú (đoạn từ đường D113 đến nhà cô Nho)	29.203.997	29.203.997			29.203.997	29.203.997											100,00	100,00						
29	7740943 - Đường bê tông thôn Quan Cú (đoạn từ nhà ông Tăng đến nhà ông Hốp)	36.944.333	36.944.333			36.944.333	36.944.333											100,00	100,00						
30	7741025 - Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu di sản văn hóa và danh thắng thôn Yên Xá (đoạn từ nhà ông Chông đến nhà ông Chiêu)	104.437.000	104.437.000			104.437.000	104.437.000											100,00	100,00						
31	7742147 - Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường ngõ xóm nội 1, nội 2, nội 3 thôn Công Hòa thị trấn Bán Yên Nhân	135.880.000	135.880.000			67.940.000	67.940.000											50,00	50,00						



STT	Tên đơn vị	Dự toán (2)				Quyết toán												So sánh (%)			
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Chi chuyển giao	Bao gồm			
			Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG
								GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN		GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN		GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN						
32	7742990 - Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường ngõ xóm nội 5 thôn Cộng Hòa thị trấn Bản Yên Nhân	117.630.000	117.630.000			58.815.000	58.815.000											50,00	50,00		
33	7745971 - Xây dựng công trình phụ trợ trụ sở UBND thị trấn Bản Yên Nhân	86.156.000	86.156.000			43.078.000	43.078.000														
34	7755517 - Các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa Quan Cù	78.482.000	78.482.000			78.482.000	78.482.000											50,00	50,00		
35	7755518 - Đường giao thông nông thôn thôn Yên Xá (Đoạn từ nhà ông Chiêu đến nhà ông Tư)	77.038.000	77.038.000			77.038.000	77.038.000											100,00	100,00		
36	7755574 - Đường bê tông thôn Quan Cù (đoạn từ nhà ông Đường đến đồng sen)	9.946.000	9.946.000			9.946.000	9.946.000											100,00	100,00		
37	7755575 - Xây dựng công chào, bồn cây trang trí đón nông thôn mới xã Phan Đình Phùng	11.069.000	11.069.000			11.069.000	11.069.000											100,00	100,00		
38	7755577 - Đường GTNT thôn Yên Xá (đoạn từ nhà ông Tư đến nhà ông Bang)	67.668.000	67.668.000			67.668.000	67.668.000											100,00	100,00		
39	7755578 - Đường ra bãi rác thôn Quan Cù, xã Phan Đình Phùng	50.743.000	50.743.000			50.743.000	50.743.000											100,00	100,00		
40	7755579 - Đường bê tông thôn Hoàng Lễ (đoạn từ nhà Thủy đến nhà ông Hòa)	84.454.321	84.454.321			84.454.321	84.454.321											100,00	100,00		
41	7755580 - Đường bê tông thôn Quan Cù (đoạn từ nhà văn hóa đến nhà ông Đức, từ nhà bà Lôi đến nhà ông Sùng)	8.313.000	8.313.000			8.313.000	8.313.000											100,00	100,00		
42	7761345 - Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Phan Đình Phùng (Cơ sở thôn Yên Xá)	61.916.000	61.916.000			61.916.000	61.916.000	61.916.000										100,00	100,00		
43	7808303 - Nhà lớp học 12 phòng và một số phòng chức năng trường THCS Bản Yên Nhân	161.521.000	161.521.000															100,00	100,00		
44	7831279 - Nhà văn hóa thôn Tiên Xá 1	137.221.200	137.221.200			129.283.000	129.283.000											0,00	0,00		
45	7834280 - Đường bê tông thôn Quan Cù (đoạn từ nhà ông Năm đến nhà ông Ngọc)	105.612.000	105.612.000			105.612.000	105.612.000											94,22	94,22		
46	7834281 - Nâng cấp, cải tạo các đường ngõ tổ dân phố Quan Cù	142.192.000	142.192.000			142.192.000	142.192.000											100,00	100,00		
47	7834282 - Đường vành đai tổ dân phố Quan Cù (đoạn từ nhà ông Quý đến nhà ông Ngọc)	221.110.000	221.110.000			221.110.000	221.110.000											100,00	100,00		
48	7836234 - San nền ao phía công vào trường Tiểu học Phan Đình Phùng	346.692.000	346.692.000			346.692.000	346.692.000	8.744.000										100,00	100,00		
49	7836235 - Vĩa hè đường Phan Đình Phùng đoạn từ trạm y tế đến UBND phường	404.981.000	404.981.000			404.981.000	404.981.000											100,00	100,00		
50	7838228 - Nhà văn hóa tổ dân phố Yên Xá	1.385.156.000	1.385.156.000			1.353.291.000	1.353.291.000											100,00	100,00		
51	7838230 - Đường bãi rác tổ dân phố Kim Huy	1.009.808.702	1.009.808.702			1.009.808.702	1.009.808.702											97,70	97,70		
52	7838231 - DHL0 đến nhà ông Chiến tổ dân phố Kim Huy	10.950.000	10.950.000			10.950.000	10.950.000											100,00	100,00		
53	7842201 - Nhà văn hóa thôn Dầu xã Cẩm Xá - Giai đoạn 2	346.767.000	346.767.000			346.767.000	346.767.000											100,00	100,00		
54	7843255 - Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tổ dân phố Cộng Hòa phường Bản Yên Nhân	38.218.000	38.218.000			19.109.000	19.109.000											100,00	100,00		
55	7853054 - Xây dựng đường, vĩa hè, kê ộp mái quanh hồ Hoàng Lễ, phường Phan Đình Phùng	388.320.672	388.320.672			242.798.672	242.798.672											50,00	50,00		
56	7858440 - Xây dựng điểm trường mầm non thôn Nhuận Trạch, trường mầm non xã Cẩm Xá	1.191.246.000	1.191.246.000			1.191.246.000	1.191.246.000	1.191.246.000										62,53	62,53		
57	7859259 - Đường GTNT phường Phan Đình Phùng (đoạn từ cổng cửa Ai đến trường THCS)	254.138.000	254.138.000			235.342.000	235.342.000											100,00	100,00		
58	7870114 - Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông từ nhà ông Quảng Cúc - thôn Cẩm Quan đến kinh C9, xã Cẩm Xá, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	372.753.000	372.753.000			31.374.000	31.374.000											92,60	92,60		
59	7870136 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá, đoạn từ nhà ông Nhạn đến nhà ông Phác, thôn Cẩm Quan	3.043.771.507	3.043.771.507			2.811.915.507	2.811.915.507											8,42	8,42		
60	7874279 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá từ cầu Nghé thôn Tiên Xá 1 đến đường DHL30	5.440.000.000	5.440.000.000			2.720.000.000	2.720.000.000											92,38	92,38		
61	7878013 - Xây dựng nhà lớp học trường mầm non thôn Búi - Dầu, xã Cẩm Xá, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	1.896.050.000	1.896.050.000			996.050.000	996.050.000	996.050.000										50,00	50,00		
62	7882679 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá, đoạn từ ao ông Sang đến đường Nam Hà, thôn Tiên Xá 2	2.144.628.070	2.144.628.070			2.134.939.070	2.134.939.070											52,53	52,53		
																		99,55	99,55		



STT	Tên đơn vị	Dự toán (2)				Quyết toán														So sánh (%)			
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Chi chuyển giao	Bao gồm					
			Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG		
								GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN		GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN		GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN							GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN
63	7883020 - Xây dựng đường điện chiếu sáng, trang trí tổ dân phố Cộng Hòa và tổ dân phố Phú Đa, phường Bản Yên Nhân	153.564.000	153.564.000			76.782.000	76.782.000											50,00	50,00				
64	7888879 - Cải tạo, nâng cấp xây dựng cầu thôn Tiến Xá 1 qua sông Bản Vũ Xá	7.626.265.514	7.626.265.514			7.626.265.514	7.626.265.514																
65	7889784 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Tiến Xá 3, xã Cẩm Xá, đoạn từ cầu ông Dương đến DH 30	1.506.037.480	1.506.037.480			1.506.037.480	1.506.037.480											100,00	100,00				
66	7897901 - Nâng cấp, cải tạo sân bóng thôn Dấu, xã Cẩm Xá	777.752.000	777.752.000			777.752.000	777.752.000											100,00	100,00				
67	7898716 - Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cẩm Quan, xã Cẩm Xá, thị xã Mỹ Hào	5.061.314.000	5.061.314.000			5.061.314.000	5.061.314.000											100,00	100,00				
68	7898926 - Cải tạo, nâng cấp hồ thôn Nhuận Trạch, xã Cẩm Xá	1.529.143.345	1.529.143.345			1.416.697.000	1.416.697.000											100,00	100,00				
69	7902856 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Cẩm Xá đoạn từ nhà ông Đạt đến nhà ông Toàn thôn Búi	747.086.000	747.086.000			747.086.000	747.086.000											92,65	92,65				
70	7908198 - CTNC đường GTNT từ ĐP Kim Huy, phường PDP (T1 Từ nhà Ô Chiến đến nhà Ô Thực; T2 Từ nhà Ô Sóng đến nhà Ô Liều; T3 Từ nhà Ô Đạt đến nhà Ô Quảng; T4 Từ nhà Ô Thái đến nhà Ô Dúng)	94.169.000	94.169.000			94.169.000	94.169.000											100,00	100,00				
71	7910065 - Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm khu phố Quan Cù (Nơi sinh hoạt cộng đồng - Thể thao)	4.608.155.000	4.608.155.000			4.608.155.000	4.608.155.000											100,00	100,00				
72	7913532 - Cải tạo, nâng cấp công trường rào, sân bóng, sân xe Trường tiểu học Cẩm Xá	2.075.419.162	2.075.419.162			2.066.216.524	2.066.216.524	2.066.216.524															
73	7921888 - Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục phụ trợ trường mầm non Bản Yên Nhân, trường tiểu học Bản Yên Nhân số 2, trường THCS Bản Yên Nhân	24.240.000	24.240.000			12.120.000	12.120.000	12.120.000										99,56	99,56				
74	7924259 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá, đoạn từ nhà ông Hành đến bãi rác thôn Nhuận Trạch	590.413.118	590.413.118			590.413.118	590.413.118											50,00	50,00				
75	7925520 - Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng khu Thố Công	10.751.000	10.751.000			10.751.000	10.751.000											100,00	100,00				
76	7926651 - Cải tạo, chỉnh trang hồ thôn Búi, xã Cẩm Xá	560.000.000	560.000.000			280.000.000	280.000.000											100,00	100,00				
77	7929208 - Cải tạo trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Phan Đình Phùng	180.628.400	180.628.400			180.628.400	180.628.400											50,00	50,00				
78	7929209 - Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng phường Phan Đình Phùng	15.459.193.000	15.459.193.000			13.459.193.000	13.459.193.000											100,00	100,00				
79	7930151 - Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông và điện chiếu sáng tổ dân phố Cộng Hòa, phường Bản Yên Nhân	125.266.000	125.266.000			62.633.000	62.633.000											87,06	87,06				
80	7932137 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phan Đình Phùng (Đoạn từ nhà ông Hà đến đường trục kinh tế Bắc - Nam)	253.376.000	253.376.000			253.376.000	253.376.000											50,00	50,00				
81	7934532 - Trường tiểu học phường Bản Yên Nhân 2	8.678.073.820	8.678.073.820			4.337.494.820	4.337.494.820	4.337.494.820										100,00	100,00				
82	7937177 - Xây dựng nhà vệ sinh và đường vào nhà vệ sinh thôn Cẩm Quan, xã Cẩm Xá	101.779.700	101.779.700			101.779.700	101.779.700											49,98	49,98				
83	7939998 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá, đoạn từ nhà ông Quảng Cúc đến nhà bà Nổi, thôn Cẩm Quan	155.820.000	155.820.000			155.820.000	155.820.000											100,00	100,00				
84	7947839 - Sửa chữa một số hạng mục công việc nhà lớp học 2 tầng 12 phòng học trường tiểu học Phan Đình Phùng	29.283.000	29.283.000			29.283.000	29.283.000	29.283.000										100,00	100,00				
85	7955222 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ trạm bơm Tiến Xá 3 đến đường DH.30, xã Cẩm Xá	4.086.086.000	4.086.086.000			4.084.991.000	4.084.991.000											99,97	99,97				
86	7955680 - Cải tạo, nâng cấp sân, công, tường rào, khu vệ sinh nhà văn hóa thôn Tiến Xá 1	946.061.000	946.061.000			946.061.000	946.061.000											100,00	100,00				
87	7977006 - CTNC 3 tuyến đường ND xã Cẩm Xá (T1: Từ cầu ông Đề lên nghĩa trang thôn Dấu; T2: Từ DT xã đến đồng Lọ; T3: Từ Cầu Sắt thôn Dấu đến...), GD1: T1: Từ cầu ông Đề lên NT thôn Dấu	1.131.057.184	1.131.057.184			1.131.057.184	1.131.057.184											100,00	100,00				
88	7980142 - Cải tạo nhà vệ sinh trường THCS Nhân Hòa	24.600.000	24.600.000			12.300.000	12.300.000	12.300.000										50,00	50,00				

STT	Tên đơn vị	Dự toán (2)				Quyết toán														So sánh (%)			
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Chi chuyển giao	Bao gồm						
			Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG		Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Chi đầu tư	Chi thường xuyên			Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG			
89	7987669 - Xây dựng công trình nhà lớp học 3 tầng 15 phòng trường THCS Cẩm Xá	10.050.000.000	10.050.000.000			9.050.000.000	9.050.000.000	9.050.000.000										90,05	90,05				
90	7989344 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Phan Đình Phùng đoạn từ tiếp giáp tổ dân phố Nghĩa Trung đến tổ dân phố Ngọc Trí	1.976.634.000	1.976.634.000			1.976.634.000	1.976.634.000											100,00	100,00				
91	7991311 - Rãnh thoát nước TDP Nghĩa Trung đoạn từ nhà ông Tuyền đến nhà ông Lạng	604.633.000	604.633.000			604.633.000	604.633.000											100,00	100,00				
92	7991313 - Công, tường rào, san nền mở rộng nghĩa trang TDP Nghĩa trang	265.504.444	265.504.444			265.504.444	265.504.444											100,00	100,00				
93	7994350 - Xây dựng nhà hành chính một cửa liên thông và các phòng làm việc - UBND xã Cẩm Xá	3.875.167.000	3.875.167.000			3.875.167.000	3.875.167.000											100,00	100,00				
94	7999126 - Cải tạo, nâng cấp đường tiểu Lộ Thủy và đường giao thông Yên Xá - Phan Đình Phùng	473.143.213	473.143.213			473.143.213	473.143.213											100,00	100,00				
95	8004851 - Cải tạo, nhà ăn UBND phường Phan Đình Phùng	846.203.000	846.203.000			846.203.000	846.203.000											100,00	100,00				
96	8005262 - Cải tạo một số tuyến rãnh thoát nước tổ dân phố Hoàng Lê	1.076.312.000	1.076.312.000			1.076.312.000	1.076.312.000											100,00	100,00				
97	8008307 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá (đoạn từ cầu Sóc thôn Cẩm Quan đến cầu Cửa Lát)	83.051.000	83.051.000															100,00	100,00				
98	8012291 - Di chuyển đường điện 0,4KV phục vụ GPMB đường giao thông TDP Phú Đa	342.108.000	342.108.000			171.054.000	171.054.000											0,00	0,00				
99	8013634 - Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ khu phố công hòa, phường Bản Yên Nhân	3.153.574.436	3.153.574.436			1.372.148.218	1.372.148.218											50,00	50,00				
100	8020009 - Đường ra bãi rác tổ dân phố Yên Xá	2.881.127.037	2.881.127.037			1.981.127.037	1.981.127.037											43,51	43,51				
101	8020852 - Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông trên địa bàn phường Nhân Hòa	256.704.000	256.704.000			128.352.000	128.352.000											68,76	68,76				
102	8024919 - Xây dựng Cầu Tiên Xá, xã Cẩm Xá	7.648.234.000	7.648.234.000			7.360.480.000	7.360.480.000											50,00	50,00				
103	8025697 - Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông - Sân và các hạng mục phụ trợ NVH tổ dân phố Văn Nhứt	80.500.000	80.500.000			40.250.000	40.250.000											96,24	96,24				
104	8028444 - Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu di sản quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng ở sở hạ tầng tại xã Cẩm Xá (vị trí số 2)	8.454.800.000	8.454.800.000			8.450.427.000	8.450.427.000											99,95	99,95				
105	8030763 - Xây dựng khu vườn cổ tích trường Mầm non xã Cẩm Xá	409.915.000	409.915.000			409.915.000	409.915.000	409.915.000										100,00	100,00				
106	8035469 - Cải tạo, sửa chữa công, tường rào trường mầm non phường Bản Yên Nhân	130.650.000	130.650.000			65.325.000	65.325.000	65.325.000										50,00	50,00				
107	8035470 - Cải tạo trường mầm non phường Bản Yên Nhân	2.599.616.529	2.599.616.529			1.289.172.219	1.289.172.219	1.289.172.219										49,59	49,59				
108	8037773 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu phố Công Hòa, phường Bản Yên Nhân	1.264.010.000	1.264.010.000			632.005.000	632.005.000											50,00	50,00				
109	8046315 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Cẩm Xá (Đoạn từ ngã tư cửa Thủy đến nhà bà Ngọt)	336.920.000	336.920.000			336.920.000	336.920.000											100,00	100,00				
110	8046317 - Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhà hiệu bộ, nhà lớp học, nhà thực hành, khu phụ trợ trường tiểu học phường Bản Yên Nhân số 2	1.000.000.000	1.000.000.000			500.000.000	500.000.000	500.000.000										50,00	50,00				
111	8047459 - Cải tạo, nâng cấp nhà cầu lạc bộ người cao tuổi TDP Công Hòa	2.204.370.000	2.204.370.000			1.099.819.000	1.099.819.000											49,89	49,89				
112	8051471 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Cẩm Sơn và Tiên Xá 1 xã Cẩm Xá	7.333.200	7.333.200			7.333.200	7.333.200											100,00	100,00				
113	8057329 - Xây dựng kê ao dãi thôn Cẩm Quan	2.090.495.000	2.090.495.000			2.029.397.000	2.029.397.000											97,08	97,08				
114	8058240 - Cải tạo, nâng cấp hệ thống mở rộng mặt đường trạm bơm Tiên Xá 1, xã Cẩm Xá	549.544.000	549.544.000			532.943.000	532.943.000											96,98	96,98				
115	8066026 - Cải tạo, sửa chữa hệ thống điện trường tiểu học Cẩm Xá	539.080.000	539.080.000			478.543.000	478.543.000	478.543.000										88,77	88,77				
116	8066027 - Tu sửa nhà ăn trường mầm non xã Cẩm Xá	224.792.000	224.792.000			224.792.000	224.792.000	224.792.000										100,00	100,00				
117	8070144 - Lắp đặt hệ thống camera an ninh phường Bản Yên Nhân	21.489.308.142	21.489.308.142			10.737.316.571	10.737.316.571											49,97	49,97				
118	8071493 - Cải tạo, trùng tu đình Phú Đa	16.962.690.000	16.962.690.000			8.481.345.000	8.481.345.000											50,00	50,00				
119	8073312 - Nhà làm việc hành chính công phường Phan Đình Phùng	797.678.000	797.678.000			797.678.000	797.678.000											100,00	100,00				



STT	Tên đơn vị	Dự toán (2)				Quyết toán												So sánh (%)				
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Chi chuyển giao	Bao gồm				
			Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG
								GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN		GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN		GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN							
120	8073313 - Đường khu dân cư tổ dân phố Kim Huy (Đoạn từ nhà ông Nam đến nhà ông Tuấn, từ nhà ông Chiến đến nhà ông Tuất)	831.799.000	831.799.000			831.799.000	831.799.000											100,00	100,00			
121	8079503 - Sửa chữa bãi đường, tăng cường CSVC trường TH Phan Đình Phùng	110.728.000	110.728.000			110.728.000	110.728.000	110.728.000										100,00	100,00			
122	8079504 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông ra đống TDP Nghĩa trang, phường Phan Đình Phùng (đoạn từ khu đấu giá đến nhà văn hóa)	247.027.000	247.027.000			247.027.000	247.027.000											100,00	100,00			
123	8079505 - Lấn xe phía sau dãy nhà lớp học 2 tầng trường THCS	607.805.000	607.805.000			607.805.000	607.805.000	607.805.000										100,00	100,00			
124	8081438 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá, đoạn từ nhà ông Hạnh đến nhà ông Quyền, thôn Cẩm Quan	7.578.222.000	7.578.222.000			7.539.974.291	7.539.974.291											99,50	99,50			
125	8086473 - Cải tạo, nâng cấp sân, cổng trường rào nhà văn hóa TDP Phú Đa	9.534.330.000	9.534.330.000			4.767.165.000	4.767.165.000											50,00	50,00			
126	8098446 - Cải tạo, sửa chữa nâng cấp nhà văn hóa phường Bản Yên Nhân	19.629.244.634	19.629.244.634			9.789.520.817	9.789.520.817											49,87	49,87			
127	8108530 - Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Xá từ Đình đến nhà ông Hưng và các ngõ	7.220.265.108	7.220.265.108			4.710.132.554	4.710.132.554											65,23	65,23			
128	8109992 - Xây dựng cổng trường, sân bóng trường học và bồn hoa cây xanh tại trường tiểu học và trung học cơ sở Bản Yên Nhân	4.173.375.240	4.173.375.240			2.083.987.620	2.083.987.620	2.083.987.620										49,94	49,94			
129	8111449 - Xây dựng mở rộng khuôn viên đình Phú Đa	9.139.091.461	9.139.091.461			4.490.333.000	4.490.333.000											49,13	49,13			
130	8113322 - Sửa chữa, bảo dưỡng trường mầm non cảm xá, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	867.506.000	867.506.000			867.506.000	867.506.000	867.506.000										100,00	100,00			
131	8113323 - Di chuyển đường dây 0,4kV và lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng thôn Cẩm Quan, xã Cẩm Xá, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	1.777.371.527	1.777.371.527			1.777.371.000	1.777.371.000											100,00	100,00			
132	8113339 - Nâng cấp, cải tạo đường giao thông, rãnh thoát nước, điện chiếu sáng tổ dân phố Công Hòa - Phú Đa phường Bản Yên Nhân	8.396.260.652	8.396.260.652			4.192.277.652	4.192.277.652											49,93	49,93			
133	8113673 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Nguyễn Xá đoạn từ Trại y tế đến nhà ông Tốt	7.957.526.000	7.957.526.000			3.978.763.000	3.978.763.000											50,00	50,00			
134	8113674 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông An Thái đoạn từ ao Nghi đến nhà ông Quảng	6.806.120.000	6.806.120.000			3.403.060.000	3.403.060.000											50,00	50,00			
135	8113675 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Yên Tập đoạn từ trường nhà ông Tuấn đến nhà ông Cúi	7.114.424.202	7.114.424.202			3.314.424.202	3.314.424.202											46,59	46,59			
136	8117852 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn Phường Phan Đình Phùng (đoạn ra bãi rác Ngọc Trì và đường nội đồng Quan Cú)	1.086.154.100	1.086.154.100			83.000.000	83.000.000											7,64	7,64			
137	8120153 - Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tổ dân phố An Thái đoạn từ nhà ông Nam đến nhà ông Khay và đoạn từ nhà ông Huân đến nhà ông Thụy	11.922.639.000	11.922.639.000			5.822.639.000	5.822.639.000											48,84	48,84			
138	8120154 - Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ nghĩa trang TDP Nguyễn Xá qua Nghĩa trang TDP An Thái, phường Nhân Hòa	29.042.951.318	29.042.951.318			13.142.951.318	13.142.951.318											45,25	45,25			
139	8121008 - Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và nhà lớp học 3 tầng 3 phòng trường tiểu học Nhân Hòa	12.828.797.200	12.828.797.200			9.085.945.200	9.085.945.200	9.085.945.200										70,82	70,82			
140	8121009 - Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Yên Tập, phường Nhân Hòa	25.741.583.000	25.741.583.000			12.402.278.000	12.402.278.000											48,18	48,18			
141	8123544 - Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Cẩm Quan	889.645.000	889.645.000			889.645.000	889.645.000											100,00	100,00			
142	8123545 - Cải tạo, nâng cấp đường và rãnh thoát nước từ nhà ông Xây đến nhà ông Hương, bà Oanh thôn Cẩm Quan	79.653.000	79.653.000			79.653.000	79.653.000											100,00	100,00			
143	8124355 - Trường mầm non Nhân Hòa. Hạng mục: Cải tạo sân và các hạng mục phụ trợ	465.078.000	465.078.000			232.539.000	232.539.000	232.539.000										50,00	50,00			
144	8125469 - Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Cẩm Sơn, xã Cẩm Xá	558.000.000	558.000.000			558.000.000	558.000.000											100,00	100,00			
145	8125477 - Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Cẩm Xá, thị xã Mỹ Hào	4.289.124.000	4.289.124.000			2.144.562.000	2.144.562.000											50,00	50,00			
146	8125682 - Rãnh thoát nước đường TDP Nghĩa trang (từ nhà bà Ngân đến ruộng nhà ông Đạt)	1.035.996.000	1.035.996.000			1.035.996.000	1.035.996.000											100,00	100,00			



STT	Tên đơn vị	Dự toán (2)				Quyết toán												So sánh (%)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Chi chuyển giao	Tổng số	Bao gồm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
			Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG		Tổng số	Trong đó	GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN	Tổng số	Trong đó	GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN	Tổng số				Trong đó		Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
																			Chi đầu tư	Chi thường xuyên				Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi đầu tư	Chi thường xuyên

STT	Tên đơn vị	Dự toán (2)				Quyết toán														So sánh (%)			
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Chi chuyển giao	Tổng số	Bao gồm				
			Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó									
								GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN		GD-ĐT và dạy nghề	KH-CN		Chi đầu tư	Chi thường xuyên								
177	8155774 - Nâng cấp, cải tạo hệ thống truyền thanh phường Nhân Hòa	2.205.384.000	2.205.384.000			1.102.692.000	1.102.692.000											50,00	50,00				
178	8157398 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ dân phố An Thái, phường Nhân Hòa (Theo Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của UBND Phường Nhân Hòa)	964.788.000	964.788.000			482.394.000	482.394.000											50,00	50,00				
179	8157592 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông TDP Lỗ Xá (ngõ 8, ngõ 44 và ngõ 72 phố Đoàn Kết)	3.686.228.000	3.686.228.000			3.195.384.000	3.195.384.000											86,68	86,68				
180	8157593 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông TDP Lỗ Xá (ngõ 66 phố Đoàn Kết đi kênh Trung Thủy Nông)	1.052.572.000	1.052.572.000			526.286.000	526.286.000											50,00	50,00				
181	8159578 - Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 12 phòng, khu vệ sinh chung và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Cẩm Xá, xã Cẩm Xá, thị xã Mỹ Hào	1.328.235.000	1.328.235.000			981.468.000	981.468.000	981.468.000										73,89	73,89				
182	8159804 - Sửa chữa nhà lớp học 4 phòng 2 tầng Trường mầm non Phan Đình Phùng	892.877.000	892.877.000			892.877.000	892.877.000	892.877.000										100,00	100,00				
183	8161782 - Mua sắm trang thiết bị nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và nhà lớp học 3 tầng 3 phòng trường tiểu học Nhân Hòa	1.718.210.000	1.718.210.000			1.718.210.000	1.718.210.000	1.718.210.000										100,00	100,00				
184	8164751 - Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng từ dân phố Phúc Xá	469.500.000	469.500.000			469.500.000	469.500.000											100,00	100,00				
185	8170873 - Nhà tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ	796.905.000	796.905.000			796.905.000	796.905.000											100,00	100,00				
186	8173584 - Sửa chữa lắp đặt điều hòa phòng Phan Đình Phùng	29.313.000	29.313.000			29.313.000	29.313.000											100,00	100,00				
187	8173585 - Cải tạo nhà 2 tầng xây dựng 3 phòng chức năng trạm y tế	679.201.000	679.201.000			679.201.000	679.201.000											100,00	100,00				
188	9124241 - Công An Phường Mỹ Hào	260.098.980		260.098.980		260.098.980				260.098.980								100,00					
189	9125926 - Thuê cơ sở 2 tỉnh Hưng Yên	120.000.000		120.000.000		120.000.000				120.000.000								100,00		100,00			